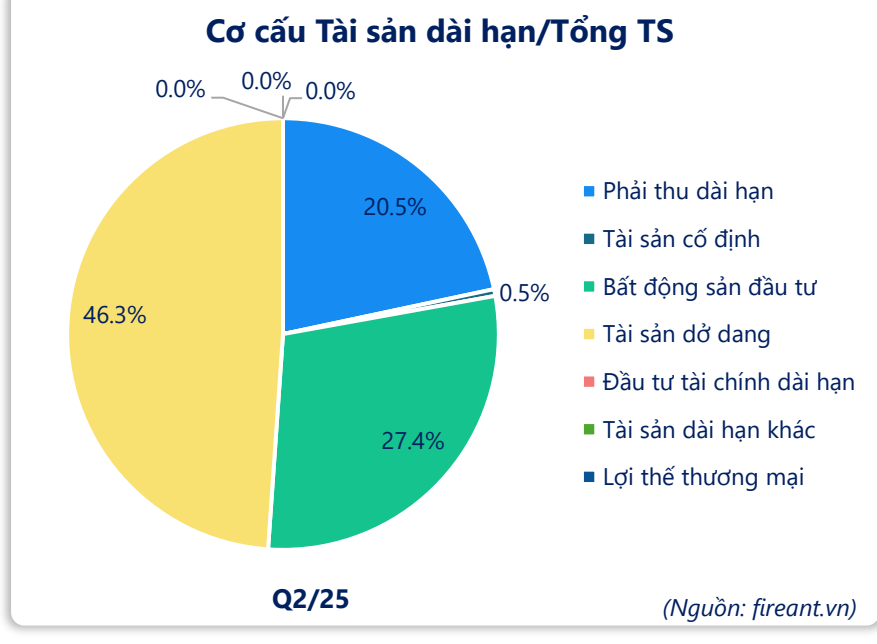
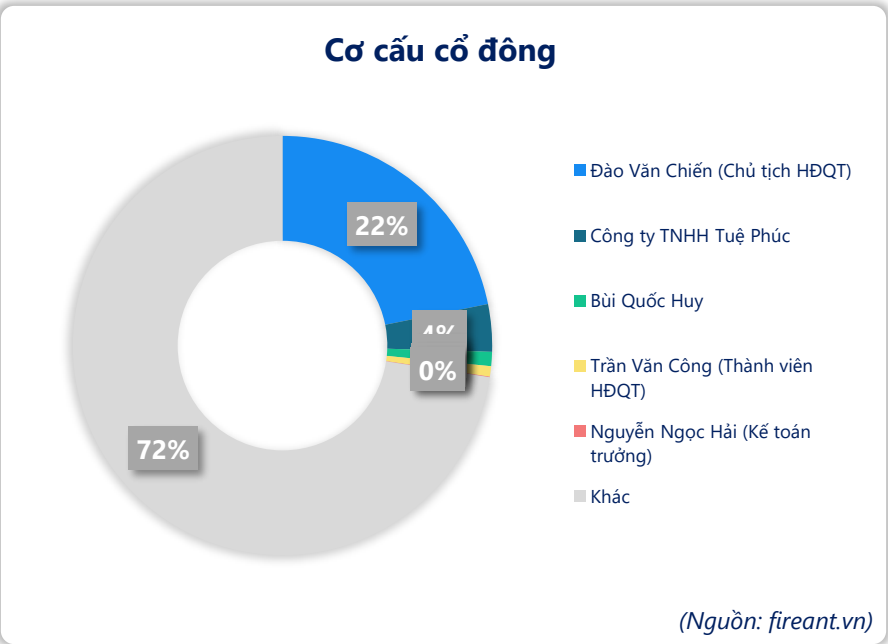
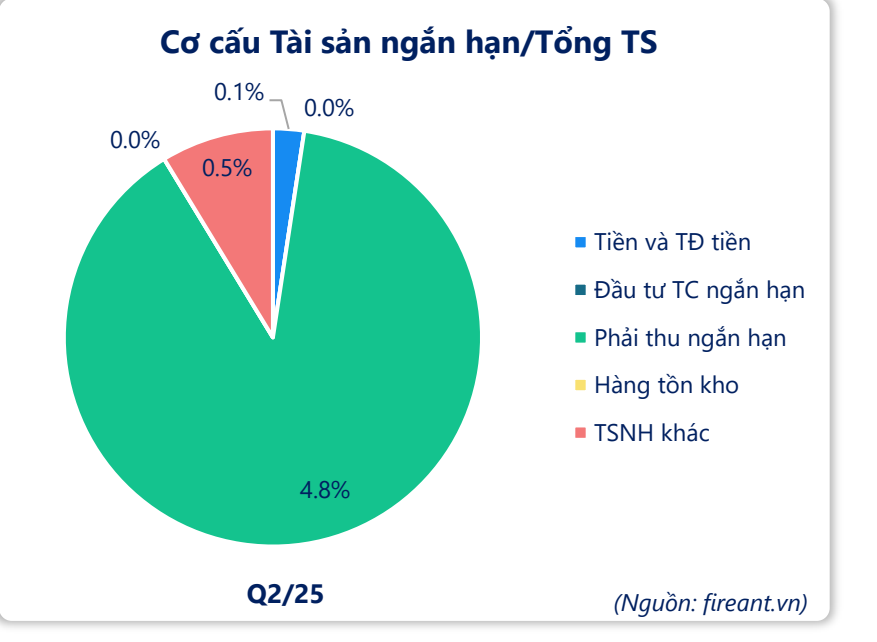
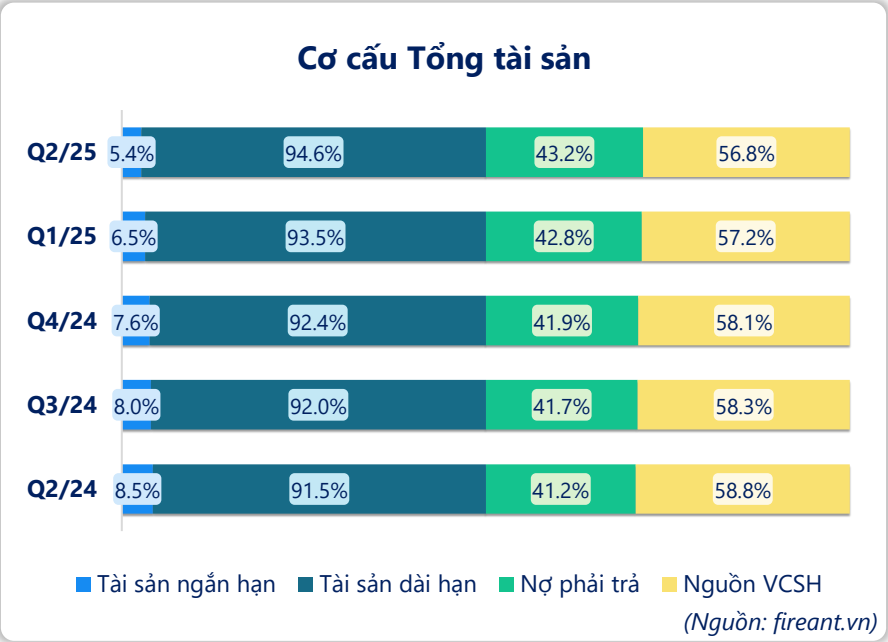
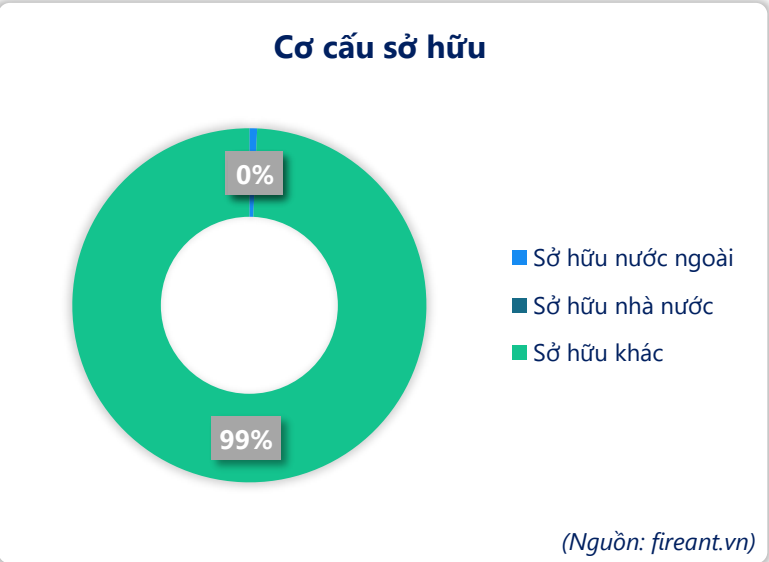
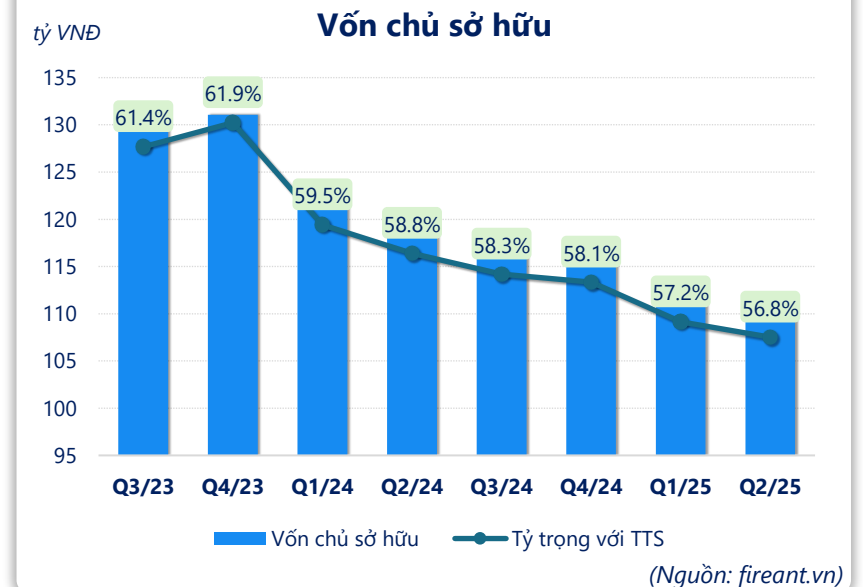
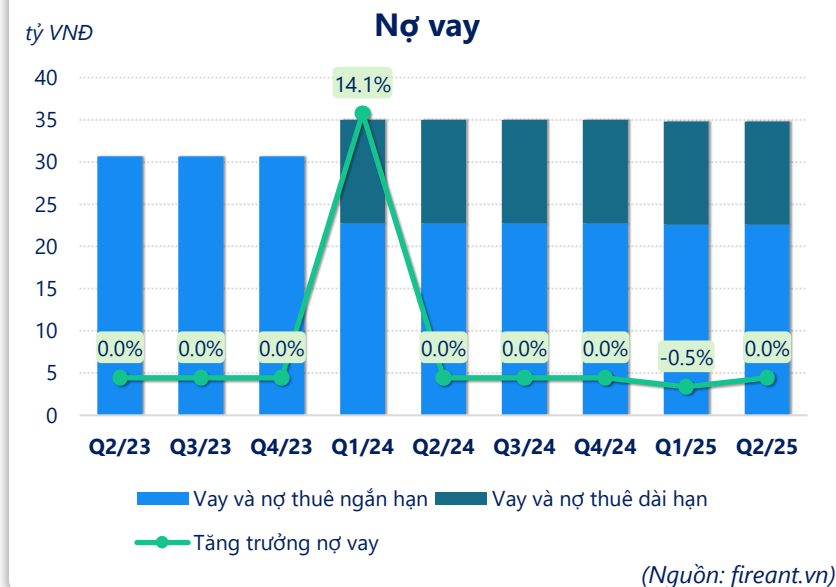
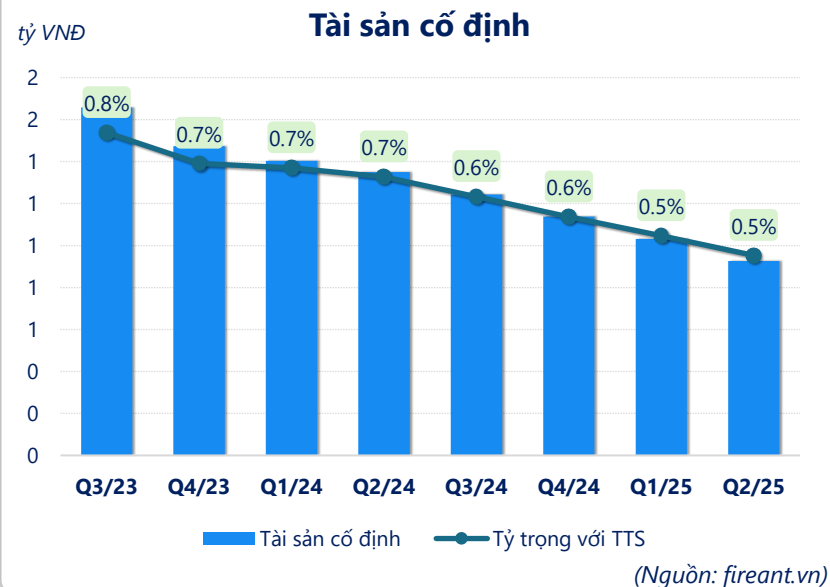
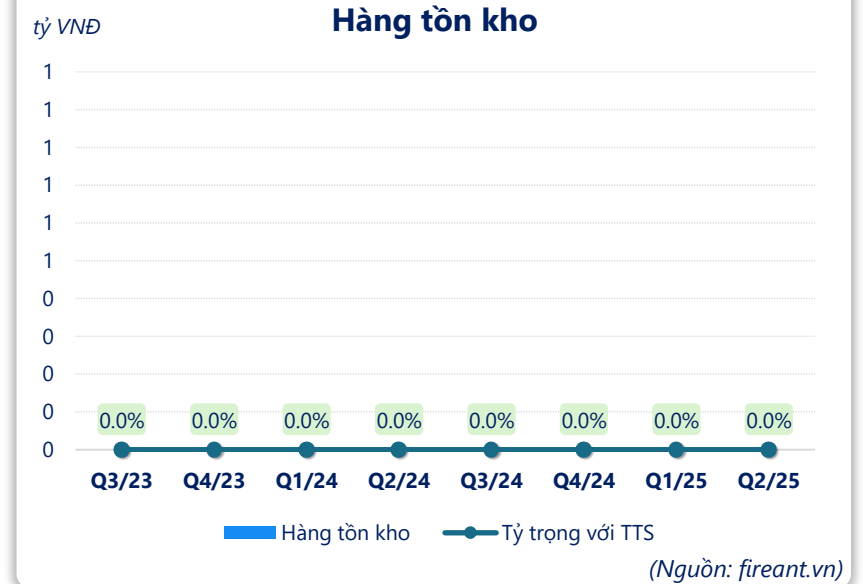
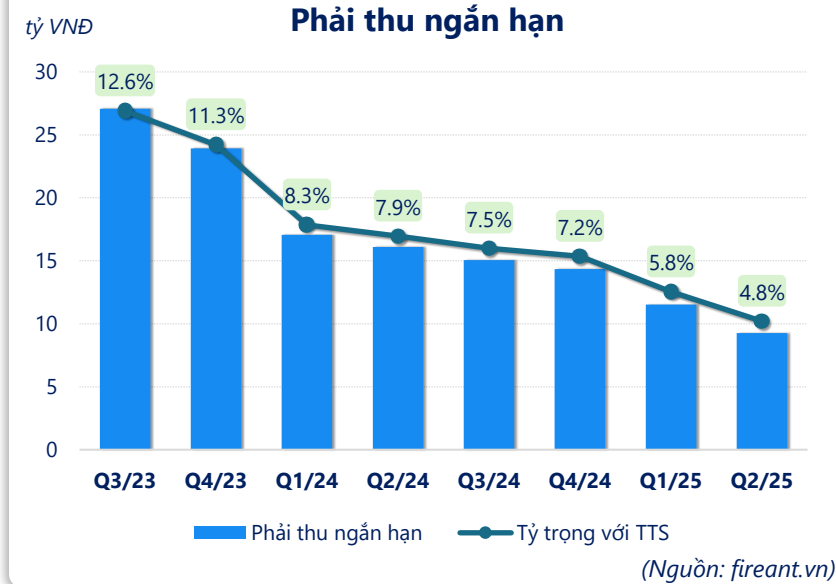
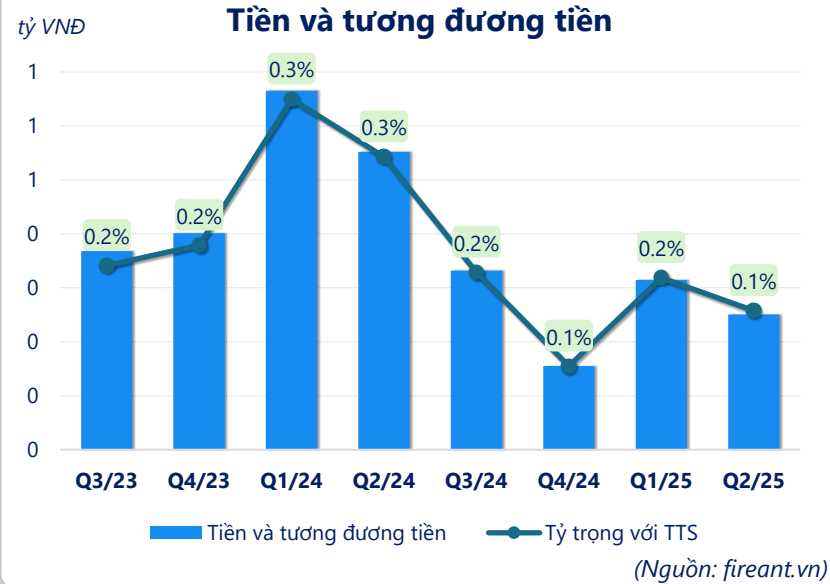
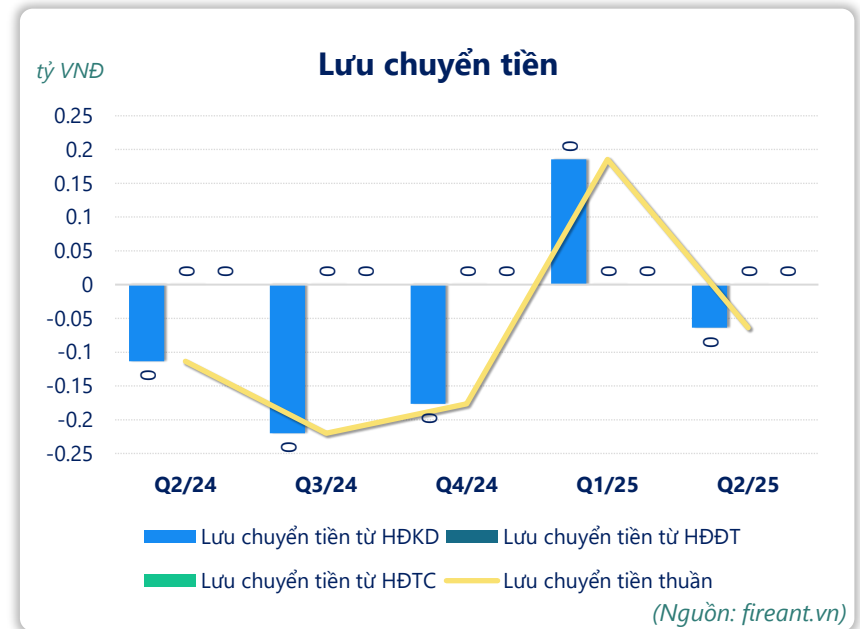
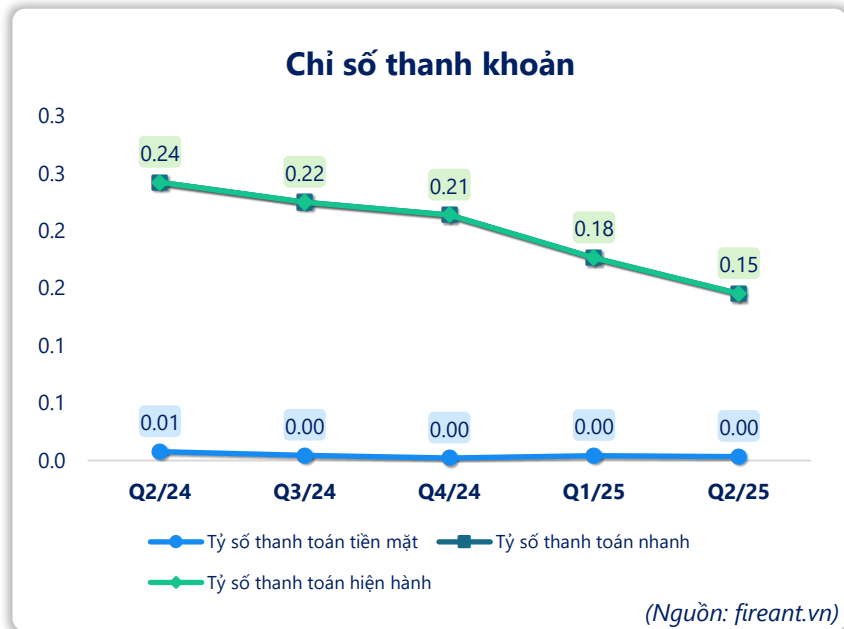
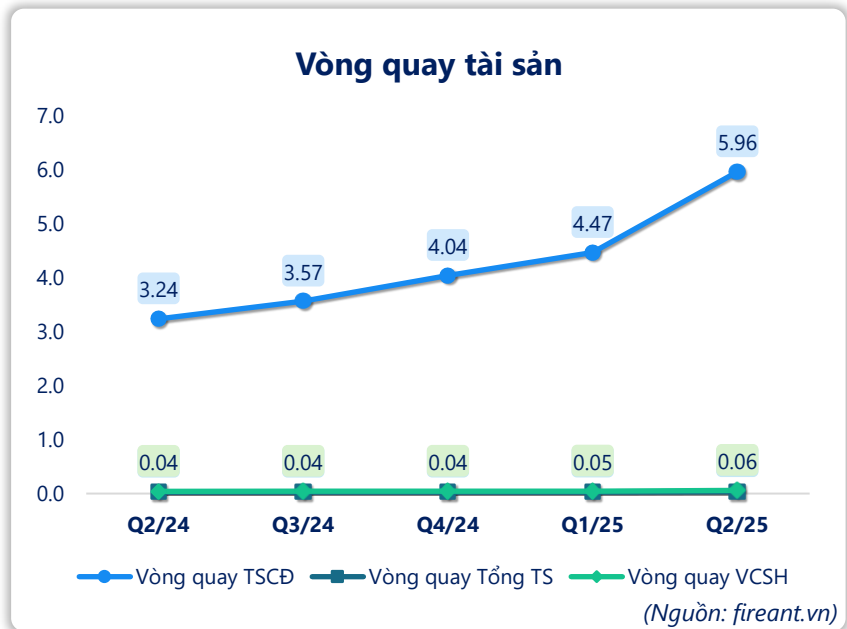
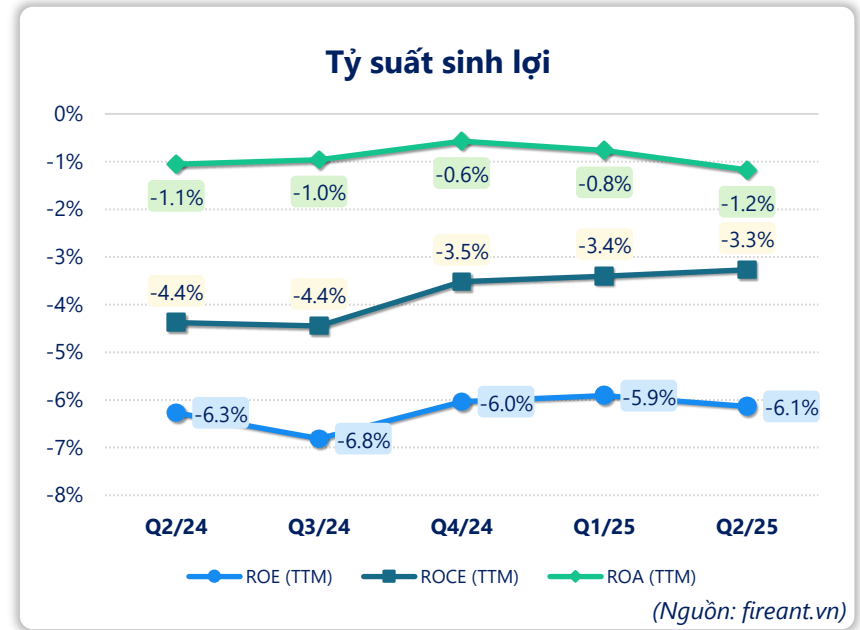
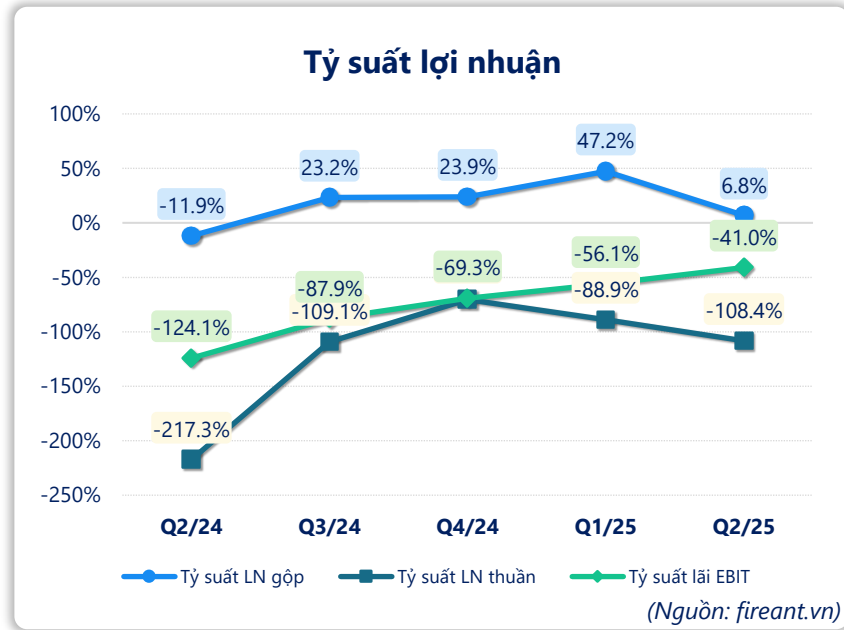
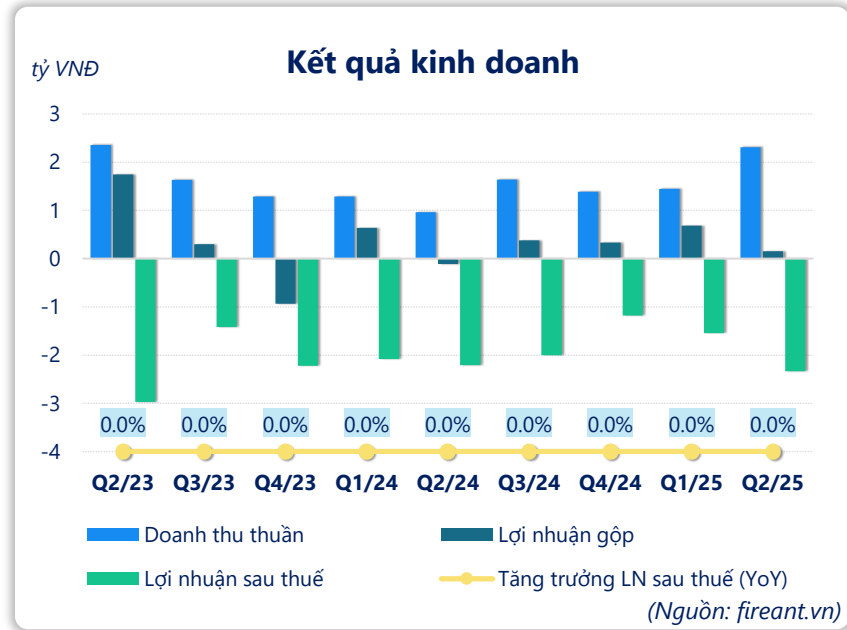


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		1,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,300
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		725
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		36
P/E		-5.1
EPS		-353

	YTD	1T	3T	6T
HTT	20.0%	0.0%	5.9%	5.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	194	198	-1.8%
Tài sản ngắn hạn	10.4	12.9	-19.4%
Tiền và tương đương tiền	0.25	0.13	94.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9.25	12.2	-24.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.91	0.56	61.8%
Tài sản dài hạn	184	185	-0.6%
Phải thu dài hạn	39.8	39.8	0.0%
Tài sản cố định	0.93	1.14	-18.6%
Bất động sản đầu tư	53.2	54.1	-1.5%
Tài sản dở dang	89.9	89.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.00	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	83.9	83.6	0.4%
Nợ ngắn hạn	71.7	71.4	0.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.6	22.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.63	1.40	16.6%
Nợ dài hạn	12.2	12.2	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.2	12.2	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	110	114	-3.4%
Vốn chủ sở hữu	110	114	-3.4%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	0.96	1.64	1.39	1.45	2.31
Giá vốn hàng bán	1.08	1.26	1.06	0.76	2.15
Lợi nhuận gộp	-0.11	0.38	0.33	0.68	0.16
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	1.02	0.56	0.22	0.73	1.39
Chi phí lãi vay	1.02	0.56	0.22	0.73	1.39
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.96	1.61	1.09	1.24	1.27
LN thuần từ HĐKD	-2.09	-1.79	-0.98	-1.29	-2.50
Lợi nhuận khác	-0.12	-0.21	-0.20	-0.26	0.17
LN trước thuế	-2.21	-2.00	-1.18	-1.54	-2.34
Lợi nhuận sau thuế	-2.21	-2.00	-1.18	-1.54	-2.34
LNST của CĐ cty mẹ	-2.21	-2.00	-1.18	-1.54	-2.34

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.11	-0.22	-0.18	0.19	-0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.67	0.55	0.33	0.13	0.31
Lưu chuyển tiền thuần	-0.11	-0.22	-0.18	0.19	-0.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.55	0.33	0.16	0.31	0.25

(Nguồn: fireant.vn)